TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **37**/2018/DS-ST

Ngày: 17 – 7 – 2018.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
Và hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Chí Tâm.

Ông Lâm Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2017/TLST – DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXXST-DS ngày 02/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị Kim C, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 319, đường 3/2, khóm M, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Đại diện ủy quyền của bà C là ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1966 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lâm Hoàng C, sinh năm 1951 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 520, khóm V, phường B, thị xã N, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa,ông Nguyễn Văn B là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim C trình bày như sau: Vào năm 2016 bà C có cho bà T, ông C vay tiền tổng cộng 06 lần, ngày vay, số tiền vay cụ thể như sau:

Lần 1 vay vào ngày 04/03/2016 âm lịch với số tiền 120.000.000 đồng;

Lần 2 vay vào ngày 07/03/2016 âm lịch với số tiền 10.000.000 đồng;

Lần 3 vay vào ngày 15/03/2016 âm lịch với số tiền 10.000.000 đồng;

Lần 4 vay vào ngày 04/05/2016 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng;

Lần 5 vay vào ngày 10/05/2016 âm lịch với số tiền 2.000.000 đồng;

Lần 6 vay vào ngày 20/05/2016 âm lịch với số tiền 14.500.000 đồng.

Việc vay tiền trên bà C có lập sổ theo dõi, do bà T tự nguyện ghi chép xác nhận nợ và ký tên, thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, khi nào cần tiền thì bà C lấy lại, khi vay tiền thì ông Lâm Hoàng C đều biết và đồng ý cho bà T vay tiền của bà C. Như vậy, tổng 06 lần vay thì ông C và bà T vay tổng số tiền là 161.500.000 đồng, kể từ khi vay tiền đến nay bà T không có đóng lãi cũng không trả nợ gốc cho bà C.

Đối với số tiền hụi thì bà C tham gia hụi do bà T làm chủ: Hụi ngày 20.000 đồng, khui ngày 18/01/2016 âm lịch, có 83 chân, bà C tham gia 20 chân, góp hụi sống tới lần 63 ngày 21/3/2016 âm lịch, đồng lọt hốt hụi mãn 20 chân, từ lần 64 ngày 22/3/2016 đến lần thứ 83 ngày 11/4/2016 âm lịch với tổng số tiền: 63 lần chết x 20.000 đồng/chân x 20 chân – 400.000 đồng (đầu thảo) = 24.800.000 đồng. Tuy nhiên, bà T chỉ giao hụi cho bà C được số tiền 14.300.000 đồng, còn lại nợ lại 10.500.000 đồng và bà T có ký xác nhận nợ cho bà C chung với biên nhận nợ vay. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà T và ông C có trách nhiệm trả cho bà C tổng số tiền vay và tiền hụi là 172.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền và từ ngày mãn hụi theo biên nhận nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiện tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu bà Trần Thị T trả nợ không yêu cầu ông Lâm Hoàng C liên đới trả nợ cho bà C.

- Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông C không phải là vợ chồng, việc bà vay tiền và tham gia làm chủ hụi như bà C trình bày là đúng, bà vay tiền của bà C dùng vào mục đích làm ăn kinh tế trong gia đình nhưng do làm ăn thất thoát bể nợ vì vậy không có tiền trả cho bà C. Bà thừa nhận có ký xác nhận tiền nợ bà C tổng số tiền hụi và tiền vay là 172.000.000 đồng theo biên nhận bà C cung cấp là đúng, chữ ký xác nhận trong biên nhận nợ của bà C cung cấp là chữ ký của bà. Sau khi lập biên nhận nợ với bà C thì năm 2017 không nhớ rõ ngày tháng nào thì bà có trả cho bà C số tiền 22.000.000đồng nên chỉ còn thiếu bà C 150.000.000đồng, khi trả tiền cho bà C thì chỉ có bà và bà C biết ngoài ra thì không có ai chứng kiến cũng không có ký giấy tờ gì vì bà nghĩ tình chị em nên không kêu làm biên nhận trả nợ. Số tiền bà ký nhận nợ bà C là

tiền lãi nhập vốn của các lần vay, bà C cho bà vay với mức lãi suất 15%/tháng. Tuy nhiên, việc bà ký nhận nợ thì bà đồng ý trả nợ cho bà C.

Nay bà chỉ thống nhất trả cho bà C số tiền 150.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất vì bà bể nợ không có tiền trả lãi suất nữa, bà đồng ý trả cho bà C mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên, nếu có nhiều thì bà trả nhiều.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Hoàng C trình bày như sau: Ông và bà T không phải là vợ chồng, bà T vay tiền của bà C ông chỉ biết thôi nhưng không biết số tiền cụ thể bao nhiêu nhưng ông sẽ cố gắng đi làm hồ kiếm tiền hỗ trợ bà Tính trả cho bà C mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 150.000.000đồng, nếu có nhiều thì sẽ trả nhiều.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Trần Thị T trả nợ, không yêu cầu ông Lâm Hoàng C trả nợ. Việc rút lại yêu cầu của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định, bà Trần Thị T có vay của bà C tổng cộng 06 lần với số tiền 161.500.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, khi nào cần tiền thì bà C lấy lại. Đồng thời bà C có tham gia hụi do bà Tính làm chủ hụi, bà C hốt hụi được 24.800.000 đồng, bà T chỉ giao hụi được số tiền 14.300.000 đồng, còn lại nợ lại 10.500.000 đồng, việc bà T vay tiền và thiếu tiền hụi bà T tự nguyện ghi chép xác nhận nợ hụi và ký tên khi vay tiền, từ khi vay tiền và mãn hụi bà T vẫn chưa trả vốn và lãi suất cho bà C, nay đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ tổng cộng là 172.000.000đ (Gồm tiền vay 161.500.000đ và tiền hụi 10.500.000đ). Phía bị đơn bà T cũng thừa nhận có vay tiền và thiếu tiền hụi còn lại nguyên đơn số tiền 172.000.000 đồng như lời nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, số tiền vay là tiền lãi nhập vốn, bà C cho bà vay lãi suất 15%/tháng, bà không có tiền đóng lãi nên ký nhận vay nhiều lần. Do bà đã ký nhận nợ thì bà sẽ trả, từ khi ký nhận nợ bà đã trả cho bà C số tiền 22.000.000đồng, bà đồng ý trả cho bà C 150.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả cho bà C mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ và không đồng ý trả lãi.

[3] Xét thấy, bị đơn bà T thừa nhận có vay tiền và còn thiếu lại tiền hụi của nguyên đơn bà C tổng số tiền 172.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, bà T cũng thừa nhận chữ ký xác nhận vay tiền và thiếu tiền hụi trong biên nhận do nguyên đơn cung cấp là của bà. Do đó, HĐXX xác định phía bị đơn có vay tiền và thiếu tiền hụi của nguyên đơn số tiền 172.000.000 đồng. Việc thỏa

thuận vay tiền và tham gia giao kết hụi giữa bà C với bà T là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 388, 389, 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 nhưng đến nay bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự, nên bà C yêu cầu bà T trả số tiền vay và tiền hụi còn thiếu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà T cho rằng số tiền vay là tiền lãi nhập vốn nhưng bà không đưa ra được các chứng cứ chứng minh. Đồng thời, bà T cho rằng sau khi lập biên nhận kết nợ với bà C thì năm 2017 không nhớ rõ ngày tháng nào thì bà T có trả cho bà C số tiền 22.000.000 đồng nên chỉ còn thiếu bà C 150.000.000 đồng. Tuy nhiên khi trả tiền thì không có ai chứng kiến cũng như không có làm biên nhận, chỉ có bà và bà C biết, bà C không thừa nhận có nhận tiền của bà T. Tại phiên tòa, bà T cũng không cung cấp được các chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà. Do đó, HĐXX không chấp nhận. Việc bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng tiền vốn cho bà C cho đến khi hết số tiền nợ nhưng tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho bà T trả dần số nợ trên nên bà T có trách nhiệm trả một lần số tiền còn nợ cho bà C. Đối với yêu cầu trả dần nợ của bà T sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về lãi suất: Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thì mức lãi suất cho vay là 3%/tháng, còn bà T cho rằng mức lãi suất vay là 15%/tháng, như vậy đây là hợp đồng vay có lãi. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của các lần vay ghi trong biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi suất được xác định không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm x 150% = 1,125%/tháng. Cụ thể như sau:

Đối với lần vay thứ nhất là 04/3/2016 âm lịch (nhằm ngày 10/4/2016 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 17/7/2018 dương lịch = 27 tháng 7 ngày x 120.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 36.765.000 đồng.

Đối với lần vay thứ hai là 07/3/2016 âm lịch (nhằm ngày 13/4/2016 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 17/7/2018 dương lịch = 27 tháng 4 ngày x 10.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 3.052.500 đồng.

Đối với lần vay thứ ba là 15/3/2016 âm lịch (nhằm ngày 21/4/2016 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 17/7/2018 dương lịch = 26 tháng 26 ngày x 10.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 3.022.500 đồng.

Đối với lần vay thứ tư là 04/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 08/6/2016 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 17/7/2018 dương lịch = 25 tháng 9 ngày x 5.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 1.423.125 đồng.

Đối với lần vay thứ năm là 10/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 14/6/2016 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 17/7/2018 dương lịch = 25 tháng 3 ngày x 2.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 564.750 đồng.

Đối với lần vay thứ sáu là 20/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 24/6/2016 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 17/7/2018 dương lịch = 24 tháng 23 ngày x 14.500.000 đồng x 1,125%/tháng = 4.040.063 đồng.

Đối với tiền hụi không phải là tiền vay có lãi nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản Ngân hàng của Nhà nước quy định là 9%/năm. Từ ngày mãn hụi 11/4/2016 âm lịch (nhằm ngày 17/5/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/7/2018 dương lịch = 26 tháng x 10.500.000 đồng x 0,75%/tháng = 2.047.500 đồng.

Như vậy tổng cộng lãi suất của các lần vay và tiền hụi là 50.915.438 đồng. Tổng cộng vốn và lãi bà T phải trả cho bà C là 172.000.000đồng + 50.915.438đồng = 222.915.438đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 388; Điều 389; Điều 471; khoản 1,5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lâm Hoàng C có trách nhiệm liên đới cùng bà Trần Thị T trả nợ vay và hụi cho bà C số tiền 172.000.000đồng.

2/ Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị Kim C số tiền vốn vay và tiền hụi 172.000.000đồng *(Một trăm bảy mươi hai triệu đồng)* và tiền lãi 50.915.438đồng *(Năm mươi triệu, chín trăm mười lăm ngàn, bốn trăm ba mươi tám*

đồng). Tổng cộng vốn lãi là 222.915.438đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười lăm ngàn, bốn trăm ba mươi tám đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm**:** Bà Trần Thị T phải chịu số tiền 11.145.771 đồng (*Mười một triệu, một trăm bốn mươi lăm ngàn, bảy trăm bảy mươi mốt đồng*).

Bà Trịnh Thị Kim C không phải chịu án phí. Bà C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.200.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001447 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Nơi nhận*:
-TAND tỉnh ST;
-VKSND thị xã Ngã Năm;
-T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trương Anh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TAND THỊ XÃ NGÃ NĂM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Võ Hân Hoan **Phan Minh Đức** **Nguyễn Văn Toàn**